



# TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC LIÊN KẾT VỚI HỢP TÁC XÃ ĐẾN HIỆU QUẢ KINH TẾ TRONG SẢN XUẤT LÚA TẠI XÃ HOÀ MỸ TÂY, HUYỆN TÂY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

Phạm Quốc Hoàng<sup>1</sup>, Nguyễn Viết Tuấn<sup>1</sup>, Lê Thị Hoa Sen<sup>1</sup>, Hồ Lê Phi Khanh<sup>2</sup> \*

<sup>1</sup> Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

<sup>2</sup> Trung tâm Phát triển Nông thôn miền Trung, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ: Hồ Lê Phi Khanh <holephikhanh@huaaf.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 25-8-2023; Ngày chấp nhận đăng: 20-11-2023)

**Tóm tắt.** Mục tiêu của nghiên cứu này là đánh giá hiện trạng liên kết giữa các nông hộ trồng lúa và hợp tác xã, đồng thời phân tích tác động của liên kết này đến kết quả sản xuất lúa tại xã Hoà Mỹ Tây, huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên. Kết phân tích bằng phương pháp ghép điểm xu hướng (PSM) trên 135 hộ có liên kết với hợp tác xã và 78 hộ không tham gia liên kết cho thấy, trong mỗi liên kết nông hộ - hợp tác xã, các nội dung hoạt động liên quan đến chia sẻ trao đổi thông tin thị trường, hỗ trợ kỹ thuật canh tác và hỗ trợ tiếp cận nguồn đầu vào được các nông hộ đánh giá cao. Các yếu tố như tuổi tác, số năm đến trường, diện tích trồng lúa và cơ cấu thu nhập từ trồng lúa trong tổng thu nhập của hộ ảnh hưởng tích cực đến việc tham gia vào liên kết với hợp tác xã. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu còn cho thấy những hộ có liên kết trong sản xuất lúa được nhiều lợi thế hơn về mặt tiếp cận kỹ thuật sản xuất và giá bán sản phẩm so với hộ không tham gia liên kết, từ đó đạt được thu nhập bình quân cao hơn so với hộ không tham gia liên kết.

**Từ khoá:** hộ trồng lúa, liên kết sản xuất lúa, ghép điểm xu hướng, probit, thu nhập từ trồng lúa

# Impacts of participation in Agriculture Cooperative linkage to economic performance of rice product at Hoa My Tay commune, Tay Hoa District, Phu Yen Province

Pham Quoc Hoang<sup>1</sup>, Nguyen Viet Tuan<sup>1</sup>, Lê Thị Hoa Sen<sup>1</sup>, Ho Le Phi Khanh<sup>2</sup> \*

<sup>1</sup> University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

<sup>2</sup> Centre for Rural Development in Central Vietnam, University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

\* Correspondence to Ho Le Phi Khanh <holephikhanh@huaf.edu.vn>

(Submitted: August 25, 2023; Accepted: November 20, 2023)

**Abstract.** This study is to analyze the impacts of participation in agriculture cooperation linkage on rice economic performance of household at Hoa My Tay commune, Tay Hoa District, Phu Yen province. The findings from propensity score matching analysis on 135 household involving in production linkage and counterfactual group of 78 households show that the cooperative' functions such as disseminating, sharing market information, providing the technical assistance, and supporting to access the qualify supplying sources are highly recognized by households. Age, number of years at school, area for rice cultivation, and percentage of rice income in total household are positively related to the involvement in cooperative linkage. Additionally, area of rice production and the percentage of income from rice in total yearly household income positively affect the participation of households in this linkage with cooperative. The study also found households with production linkages have more advantages in accessing techniques and selling prices compared to others. As a result, these households achieved the superior income from rice production is higher than households without linkages.

**Keywords:** propensity score matching, probit, income from rice, rice production and production linkage

## 1 Đặt vấn đề

Liên kết với các hợp tác xã trong sản xuất nông nghiệp là cơ sở để tạo tính ổn định về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, gia tăng giá trị sản phẩm và đóng góp vào tăng thu nhập cho các nông hộ [1, 2]. Nhiều nghiên cứu liên quan cho thấy rằng, hợp tác xã đóng vai trò quản trị trong toàn bộ chuỗi cung ứng nông sản thông qua việc hỗ trợ kỹ thuật cho nông hộ, trung gian thu gom sản phẩm và kết nối thị trường [3–6]. Hầu hết các nghiên cứu đều cho thấy hợp tác xã đóng vai trò trao đổi thông tin, chia sẻ rủi ro, hỗ trợ sản xuất giữa các nông hộ và các tác nhân trong chuỗi tiêu thụ nông sản, thông qua đó tăng giá trị sản phẩm và tăng khối lượng tiêu thụ sản phẩm [7, 8]. Nhận thức được tầm quan trọng của liên kết trong sản xuất nông sản nói chung và liên kết giữa nông hộ và hợp tác xã nói riêng, Chính phủ ban hành và phê duyệt các đề án liên quan đến thúc đẩy tăng cường hợp tác điển hình như Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 09/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản giai đoạn 2021–2025 định hướng đến

năm 2030. Hầu hết các văn bản trên đều nhấn mạnh đến các can thiệp cần thực hiện để tăng cường liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản từ các nông hộ với các tác nhân trong chuỗi cung ứng [4]. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, việc thực hiện hợp tác và liên kết trong sản xuất nông nghiệp còn gặp nhiều thách thức cả về phía nông hộ và các đơn vị tham gia liên kết. Trong khi đó, chưa có một nghiên cứu hoàn chỉnh để đánh giá hiện trạng liên kết trong sản xuất nông nghiệp hiện nay, làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp can thiệp hiệu quả để thúc đẩy tính hợp tác và liên kết.

Tại xã Hòa Mỹ Tây, huyện Tây Hòa nói riêng và tỉnh Phú Yên nói chung, liên kết giữa các hộ trồng lúa và hợp tác xã đã được phát triển từ năm 2016 thông qua số Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND của tỉnh Phú Yên về “Cánh đồng mẫu lớn”. Theo đó, liên kết giữa các hộ trồng lúa với hợp tác xã được thực hiện thông qua việc hỗ trợ tiếp cận đầu vào, cung cấp thông tin, chia sẻ rủi ro, hỗ trợ kỹ thuật và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Mặc dù từ năm 2017 đến năm 2022, diện tích tham gia liên kết tại xã Hòa Mỹ Tây có chiều hướng tăng từ 132 ha đến 210,5 ha. Tuy nhiên, diện tích liên kết với hợp tác xã chưa đáp ứng với tiềm năng về sản xuất lúa tại xã do hai nguyên nhân chính: (1) một số vai trò của hợp tác xã trong liên kết tiêu thụ sản phẩm chưa đáp ứng mong đợi của nông hộ; (2) chưa có một phân tích cụ thể về việc tham gia liên kết với hợp tác xã thay đổi hiệu quả kinh tế trong hoạt động sản xuất lúa, từ đó chưa tạo được niềm tin và động lực để các hộ sản xuất lúa tham gia liên kết với hợp tác xã.

Từ thực tiễn đó, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá hiện trạng của liên kết nông hộ - hợp tác xã trong sản xuất lúa tại xã Hòa Mỹ Tây và phân tích tác động của liên kết này đến hiệu quả kinh tế của sản xuất lúa. Tính mới trong nghiên cứu này là làm rõ đặc trưng của liên kết nông hộ - hợp tác xã, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng những đề xuất, kiến nghị để thúc đẩy sự liên kết này nhằm phát triển sản xuất lúa tại địa phương. Đồng thời việc xác định tác động của liên kết đến hiệu quả kinh tế của trồng lúa được đánh giá trên hai nhóm hộ có liên kết và nhóm đối chứng không có liên kết bằng phương pháp ghép điểm xu hướng. Các kết quả nghiên cứu này làm cơ sở cho việc thúc đẩy liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa tại địa phương.

## 2 Phương pháp

### 2.1 Phương pháp chọn điểm, chọn mẫu

Nghiên cứu được tiến hành tại xã Hòa Mỹ Tây là một trong những trọng điểm về sản xuất lúa gạo của huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên. Theo kết quả thống kê của xã năm 2022, trên địa bàn toàn xã có 475 hộ thực hiện hoạt động trồng lúa, trong đó 65% hộ tham gia liên kết với các hợp tác xã. Căn cứ theo các số liệu trên, nghiên cứu này áp dụng công thức tính toán cỡ mẫu được phát triển bởi Cochran [9] theo công thức (1).

$$n = \frac{m}{1 + \frac{(m-1)}{N}} \quad (1)$$

trong đó  $n$  là cỡ mẫu cần khảo sát;  $N$  là tổng thể 475 hộ trồng lúa; và  $m$  được xác định là 385 đây chính là hằng số mà Cochran [9] đã chứng minh với độ tin cậy 95%.

Theo đó, cỡ mẫu được xác định trong nghiên cứu này là 213 hộ, trong đó có 135 hộ tham gia liên kết với hợp tác xã (tỷ lệ 65%) và 78 hộ không tham gia liên kết với hợp tác xã (tỷ lệ 35%). Do hầu hết các hộ tham gia liên kết với hợp tác xã ở cùng thời điểm năm 2016 theo chủ trương về Cánh đồng mẫu lớn của tỉnh Phú Yên, nên không có sự khác biệt lớn về thời gian tham gia liên kết giữa các hộ trồng lúa.

## 2.2 Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu các bên liên quan đến hoạt động sản xuất lúa gạo và liên kết giữa các nông hộ và hợp tác xã. Phương pháp này được sử dụng để thu thập ý kiến của các bên liên quan bao gồm cán bộ xã, cán bộ phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện và hợp tác xã về thực trạng liên kết trong sản xuất lúa, đánh giá về mức độ, hiệu quả của liên kết cũng như các gợi ý, đề xuất nhằm tăng cường các mối liên kết có hiệu quả trong sản xuất giống lúa trong thời gian tới.

Đồng thời, chúng tôi tiến hành phỏng vấn 213 hộ sản xuất lúa trên địa bàn xã Hòa Mỹ Tây. Nội dung phỏng vấn tập trung vào việc thu thập thông tin liên quan đến hiện trạng trồng lúa của nông hộ, đánh giá của nông hộ về liên kết với hợp tác xã, các thông tin liên quan đến năng suất, chi phí sản xuất, tổng thu và thu nhập từ hoạt động trồng lúa.

## 2.3 Phương pháp phân tích số liệu

### Logic nhị phân

Áp dụng logit nhị phân để xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia liên kết với hợp tác xã trong hoạt động sản xuất lúa của nông hộ theo công thức (2).

$$P_i(D_i = 1|X_i) = \frac{e^{z_i}}{1 + e^{z_i}} \quad (2)$$

trong đó  $P_i$  là xác suất thể hiện khả năng hộ trồng lúa tham gia liên kết với hợp tác xã;  $D_i = 1$  là hộ có tham gia liên kết với hợp tác xã và ngược lại  $D_i = 0$  là hộ không tham gia liên kết với hợp tác xã.  $Z_i = \theta_0 + \theta_1 X_{1i} + \theta_2 X_{2i} + \dots + u_i$  với  $X_{ji}$  là các yếu tố của nông hộ như tuổi tác, trình độ học vấn, diện tích đất trồng lúa, v.v.; và  $u_i$  là sai số.

### Ghép điểm xu hướng

Đây là phương pháp đánh giá tác động của một can thiệp bằng việc xây dựng hai nhóm so sánh: nhóm áp dụng can thiệp (treated group) và nhóm đối chứng (controlled group) với các đặc điểm nhân khẩu, kinh tế, xã hội không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê. Phương pháp đã từng được áp dụng trong hoạt động sản xuất lúa bởi Hoàng, Tuấn [10], Nhân [11] và Salam and Sarker [12]. Để thực hiện phương pháp này, trước tiên mô hình logit nhị phân được áp dụng để ước lượng điểm xu hướng dựa trên các đặc điểm của hộ trồng lúa. Với điểm xu hướng đã được xác định, nghiên cứu tiến hành lựa chọn hai phương pháp ghép cận nhất và phương pháp ghép kernel với hai nhóm hộ liên kết với hợp tác xã (hộ liên kết) và nhóm hộ không liên kết với

hợp tác xã (hộ không liên kết). Tác động của liên kết với hợp tác xã đến kết quả sản xuất lúa được ước lượng bằng chỉ số ATT (Average Treatment Effect on the treated).

$$ATT = E(Y^T|D = 1, P(X)) - E(Y^c|D = 1, P(X)) \quad (3)$$

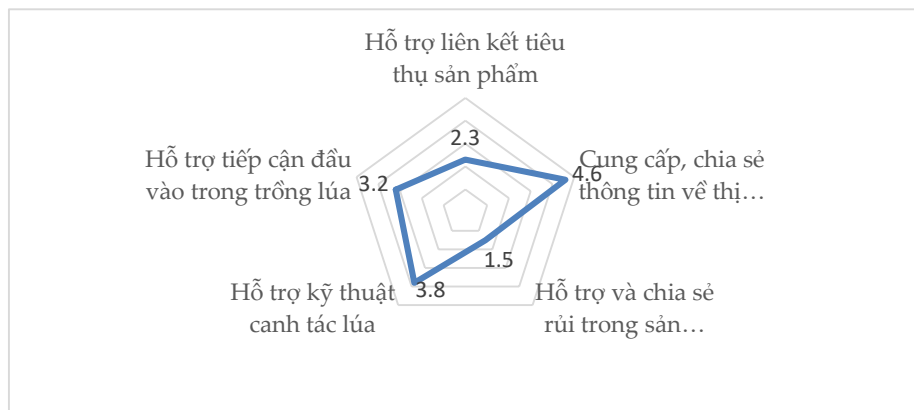
trong đó, chỉ số ATT là sự khác nhau về kết quả sản xuất lúa; (Y) bao gồm năng suất, chi phí, giá bán, doanh thu và thu thập giữa hai nhóm hộ liên kết (Treatment-T) và nhóm hộ không liên kết (Control -C).

### 3 Kết quả và thảo luận

#### 3.1 Thực trạng liên kết với hợp tác xã trong sản xuất lúa tại xã Hoà Mỹ Tây, huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên

Theo số liệu thống kê của xã Hoà Mỹ Tây, trong tổng số 475 hộ trồng lúa hiện nay có khoảng 65% tương đương với 300 hộ có tham gia liên kết với hợp tác xã trong sản xuất lúa. Việc liên kết này chủ yếu được thực hiện từ năm 2016 theo chủ trương tiến hành cánh đồng mẫu lớn tại tỉnh Phú Yên. Kết quả phỏng vấn sâu các bên liên quan cho thấy trong mỗi liên kết nông hộ - hợp tác xã chủ yếu được thực hiện dựa vào năm hoạt động chính, bao gồm: hỗ trợ tiếp cận đầu vào, liên kết sản xuất theo hợp đồng, trao đổi thông tin, chia sẻ rủi ro và hỗ trợ kỹ thuật. Đối với hỗ trợ liên kết tiêu thụ sản phẩm, hợp tác xã hợp đồng thu mua lúa từ các hộ có liên kết sau đó phân phối lại cho các công ty lúa gạo trong và ngoài địa phương. Định kỳ hàng quý, hợp tác xã sẽ họp với các hộ liên kết để chia sẻ và cung cấp thông tin liên quan đến thị trường bao gồm giá, khối lượng sản phẩm tiêu thụ và yêu cầu về loại sản phẩm. Cũng trong mỗi liên kết này, hợp tác xã còn đóng vai trò trung gian cung cấp vật tư nông nghiệp cho nông hộ, đồng thời hỗ trợ kỹ thuật canh tác cải tiến để đảm bảo năng suất lúa.

Mặc dù hợp tác xã có những vai trò tích cực trong hỗ trợ nông hộ trồng lúa, tuy nhiên việc đánh giá những hoạt động này bởi các hộ trồng lúa không cao (chi tiết tại Hình 1). Kết quả đánh giá các hoạt động bằng việc cho điểm từ 1 = rất không hiệu quả đến 5 = rất hiệu quả cho thấy vai trò cung cấp, chia sẻ thông tin giữa hợp tác xã và hộ trồng lúa được đánh giá ở mức cao nhất với 4,6 điểm so với các vai trò khác như chia sẻ rủi ro, hỗ trợ tiếp cận đầu vào, hỗ trợ kỹ thuật và liên



**Hình 1.** Đánh giá mức độ của hoạt động trong mỗi liên kết giữa hộ trồng lúa và hợp tác xã

kết sản xuất theo hợp đồng. Theo sau là việc đánh giá hỗ trợ tiếp cận đầu vào và hỗ trợ kỹ thuật của hợp tác xã đều được các hộ trồng lúa đánh giá lần lượt là 3,8 điểm và 3,2 điểm. Theo đó, hợp tác xã là cầu nối trung gian hoặc là đơn vị cung cấp để hộ sản xuất lúa tiếp cận với các nguồn vật tư nông nghiệp có chất lượng và giá cả hợp lý để giảm chi phí sản xuất và tăng thu nhập. Để thực hiện hoạt động này, nông dân đã cam kết sử dụng các dịch vụ của hợp tác xã như dịch vụ cày bừa, cam kết sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật do hợp tác xã cung cấp. Ngược lại, hợp tác xã phải cam kết về mức giá cung cấp dịch vụ và giá bán các vật tư nông nghiệp của hợp tác xã phải thấp hơn hoặc bằng với mức giá ngoài thị trường. Bên cạnh đó, những cán bộ của hợp tác xã phối hợp với cán bộ nông lâm nghiệp của xã thường xuyên thăm đồng, và cung cấp những hướng dẫn kỹ thuật cần thiết như bón phân cân đối, hợp lý, kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh và một số kỹ thuật liên quan đến thu hoạch, bảo quản lúa.

Các hoạt động liên kết tiêu thụ sản phẩm và chia sẻ rủi ro trong mối quan hệ giữa hợp tác xã và hộ trồng lúa chỉ được đánh giá ở mức độ trung bình lần lượt là 2,3 và 1,5 điểm. Nguyên nhân là trong những năm trở lại đây, việc tiêu thụ lúa gạo gặp nhiều khó khăn do các tỉnh miền Tây và vùng đồng bằng sông Cửu Long được mùa nên lúa gạo từ các tỉnh miền Nam Trung Bộ nói chung và tỉnh Phú Yên nói riêng khó cạnh tranh với các địa phương nêu trên. Điều này dẫn đến lượng thu mua giảm. Bên cạnh đó, trong những năm 2020 và 2021, lụt bão đã làm cho sản lượng lúa bị mất mùa. Tuy vậy, hợp tác xã chưa có cơ chế chia sẻ những rủi ro cho các hộ trồng lúa do nguồn lực tài chính còn hạn chế.

### 3.2 Đặc điểm của hộ sản xuất và hiệu quả kinh tế của hoạt động trồng lúa tại điểm nghiên cứu

Bảng 1 trình bày các thông tin chung về hộ tham gia khảo sát. Kết quả cho thấy, hầu hết những hộ tham gia phỏng vấn ở độ tuổi bình quân 52 tuổi với trình độ học vấn chưa hoàn thành trung học cơ sở. Mỗi hộ trung bình có 4 nhân khẩu, trong đó có 2 lao động và chủ yếu là lao động nông nghiệp với diện tích canh tác bình quân mỗi nông hộ là 0,315 ha. Bảng 1 cũng cho thấy có

**Bảng 1.** Thông tin chung về hộ tham gia khảo sát

Các chỉ tiêu	Bình quân chung (N = 213)		Hộ liên kết (N = 135)		Hộ không liên kết (N = 78)		Giá trị p
	Giá trị	Độ lệch chuẩn	Giá trị	Độ lệch chuẩn	Giá trị	Độ lệch chuẩn	
Tuổi của chủ hộ (tuổi)	52,15	3,125	49,5	3,66	54,8	4,59	0,86
Học vấn (Số năm đến trường)	7,35	0,8	8,2	0,97	6,5	0,63	3,96
Nhân khẩu (Người)	4,65	1,09	4,4	1,37	4,9	0,81	2,15
Số lao động (Người)	2,55	0,855	2,6	0,98	2,5	0,73	0,21
Lao động nông nghiệp (Lao động)	2,05	0,76	2	0,72	2,1	0,8	0,44
Diện tích đất trồng lúa (ha)	0,315	0,345	0,39	0,65	0,24	0,04	1,25

Nguồn: Số liệu khảo sát hộ năm 2022

sự chênh lệch về đội tuổi, số năm đến trường, số khẩu và số lao động trong nông nghiệp, cũng như diện tích trồng lúa của hai nhóm hộ liên kết và hộ không liên kết, tuy nhiên chênh lệch hay khác biệt này không có ý nghĩa về mặt thống kê ( $p > 0,05$ ).

Kết quả khảo sát cho thấy, chi phí bình quân cho mỗi ha trồng lúa trong năm của các hộ khảo sát là 20,24 triệu đồng và không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm hộ với chỉ tiêu này ( $p > 0,05$ ). Tuy nhiên có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm hộ với chỉ tiêu liên quan đến giá bán và năng suất lúa. Cụ thể hộ có liên kết với hợp tác xã có giá bán là 5,5 triệu đồng/tấn cao hơn hộ không liên kết là 5,3 triệu đồng/tấn với mức ý nghĩa  $p = 0,022$ . Tương tự năng suất lúa bình quân/ha của hộ liên kết là 7,75 tấn cao hơn hộ không liên kết với 7,23 tấn/ha với mức ý nghĩa  $p = 0,001$  (chi tiết tại Bảng 2). Điều này cho thấy vai trò của hợp tác xã trong việc hỗ trợ các hộ liên kết tiếp cận và kết nối thị trường đồng thời hỗ trợ kỹ thuật để nâng cao năng suất trên một đơn vị diện tích.

### 3.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia liên kết của hộ trồng lúa

Kết quả phân tích mô hình Probit tại Bảng 3 cho thấy tuổi của chủ hộ ( $p = 0,006$ ), trình độ học vấn ( $p = 0,046$ ), diện tích trồng lúa ( $p = 0,022$ ) và tỷ trọng thu nhập từ trồng lúa ( $p = 0,003$ ) là những yếu tố liên quan chặt chẽ đến việc tham gia liên kết trong tiêu thụ lúa gạo tại điểm nghiên cứu. Điều này cho thấy rằng, những chủ hộ lớn tuổi thường có nhiều kinh nghiệm hơn trong việc sản xuất và tiêu thụ lúa. Họ nhận ra tầm quan trọng của việc liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa, do đó đã quyết định tham gia vào liên kết này nhằm tăng giá trị sản phẩm [13].

Tương tự, những chủ hộ có trình độ học vấn cao sẽ tham gia nhiều hơn trong liên kết tiêu thụ sản phẩm. Nguyên nhân là do những chủ hộ này nhận thức được giá trị tăng thêm từ việc tiêu thụ sản phẩm thông qua liên kết, đồng thời nhận thức được tính bền vững trong tiêu thụ lúa thông qua liên kết với các tác nhân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm này. Mặc dù kết quả này khác với các phát hiện trước đây của Nhân [11] khi cho rằng số năm đến trường không ảnh hưởng đến việc tham gia liên kết với các hợp tác xã tiêu thụ lúa. Kết quả trong nghiên cứu này lại tương quan với một số nghiên cứu khác trước đây của Njuki, Kaaria [14], Phát và Nhân [15] và Awotide,

**Bảng 2.** Hiệu quả sản xuất lúa của các hộ khảo sát

Các chỉ tiêu	Bình quân chung (N = 213)		Hộ liên kết (N = 135)		Hộ không liên kết (N = 78)		Giá trị p
	Giá trị	Độ lệch chuẩn	Giá trị	Độ lệch chuẩn	Giá trị	Độ lệch chuẩn	
Tổng chi phí sản xuất (Triệu đồng/ha)	20,24	2,58	19,68	2,12	20,8	3,04	0,546
Giá bán (triệu đồng/tấn)	5,4	0,835	5,5	0,52	5,3	1,15	0,022
Năng suất (tấn/ha)	7,49	0,88	7,75	0,74	7,23	1,02	0,001
Doanh thu (Triệu đồng/ha)	40,465	2,635	42,62	2,15	38,31	3,12	0,055
Lợi nhuận (Triệu đồng/ha)	20,225	1,99	22,94	1,87	17,51	2,11	0,031

Nguồn: Số liệu khảo sát hộ năm 2022

**Bảng 3.** Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa

	Hệ số hồi quy	Sai số chuẩn	Giá trị p
Tuổi của chủ hộ (tuổi)	0,243	0,289	0,006***
Lao động nông nghiệp (lao động)	-0,023	0,115	0,807
Học vấn (số năm đến trường)	0,306	0,123	0,046**
Số lao động ( Người)	-0,213	0,130	0,287
Diện tích đất trồng lúa (m <sup>2</sup> )	0,521	0,131	0,022**
Tỷ trọng thu nhập từ trồng lúa (%)	0,102	0,039	0,003***
Hằng số	1,511	2,212	0,005
Log likelihood	-41,768		
Prob > chi2	0,0034		
Pseudo-R2	0,1263		

*Ghi chú:* \*\* và \*\*\* khác biệt ở mức ý nghĩa lần lượt là  $p < 0,05$  và  $p < 0,1$ .

Karimov [16] khi cho rằng, trình độ giáo dục là yếu tố thúc đẩy các nông hộ áp dụng các kỹ thuật mới trong canh tác cũng như liên kết chuỗi để tiêu thụ sản phẩm nông sản.

Khác với các nghiên cứu trước đây của Nhân [11] và Phát và Nhân [15], nghiên cứu này cho thấy diện tích trồng lúa và tỷ trọng thu nhập từ trồng lúa trong tổng thu nhập là những yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa của nông hộ. Điều này có nghĩa rằng, nếu hộ có diện tích trồng lúa lớn và thu nhập trồng lúa càng chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu nhập thì hộ tham gia liên kết càng lớn [17, 18].

### 3.4 Tác động của liên kết sản xuất và tiêu thụ đến kết quả sản xuất kinh doanh lúa tại điểm nghiên cứu

Tác động của tham gia liên kết với hợp tác xã đến kết quả sản xuất lúa được tiến hành trên hai phương pháp: kiểm định T-test và phương pháp ghép điểm xu hướng thông qua ghép hạt nhân (chi tiết tại Bảng 4). Kết quả từ cả phương pháp so sánh cho thấy, hộ tham gia liên kết với hợp tác xã đạt được kết quả sản xuất lúa cao hơn hộ không liên kết. Cụ thể, sự chênh lệch (theo kiểm định T-test) và sự khác biệt bình quân (ATT theo phương pháp ghép hạt nhân) giữa nhóm hộ liên kết và nhóm hộ không liên kết (hộ đối chứng) với các chỉ tiêu giá bán, năng suất, lợi nhuận đều có ý nghĩa với các mức thống kê lần lượt là  $p < 0,05$ ,  $p < 0,01$ .

Tuy nhiên có sự khác biệt về ước lượng tác động của liên kết hợp tác xã đến kết quả sản xuất lúa giữa hai phương pháp kiểm định T-test và phương pháp ghép hạt nhân. Nguyên nhân là phương pháp ghép hạt nhân chỉ lựa chọn những cặp ghép (hộ liên kết và hộ không liên kết) có những đặc điểm tương tự nhau hoặc sự khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê với các yếu tố như tuổi, số năm đến trường, diện tích trồng lúa như đã trình bày tại Bảng 2 và Bảng 3. Cụ thể, tổng thu của hộ có liên kết cao hơn hộ không liên kết là 4,31 triệu đồng/ha với mức ý nghĩa thống kê  $p < 0,1$ . Tuy nhiên với phương pháp ghép hạt nhân, hộ liên kết có tổng thu từ lúa cao hơn hộ



**Bảng 4.** Ảnh hưởng của việc tham gia HTX đến hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ

Các chỉ tiêu	Kiểm định t-test		Ghép hạt nhân	
	Chênh lệch	Giá trị P	ATT	Giá trị p
Tổng chi phí sản xuất (Triệu đồng/ha)	1,12	0,545	2,67	0,69
Giá bán (triệu đồng/tấn)	0,20	0,022	0,23	0,05
Năng suất (tấn/ha)	0,52	0,001	0,89	0,012
Tổng thu (Triệu đồng/ha)	4,31	0,055	8,73	0,000
Thu nhập (Triệu đồng/ha)	5,43	0,031	6,89	0,015

không liên kết là 8,7 triệu đồng/ha với mức ý nghĩa  $p < 0,001$ . Tương tự, đối với chỉ tiêu về thu nhập từ hoạt động trồng lúa, có thể thấy rằng kết quả chênh lệch về thu nhập của hộ có và không liên kết từ phương pháp ghép hạt nhân là 6,89 triệu đồng/ha, cao hơn kết quả từ kiểm định T-test, tuy nhiên cả hai phương pháp này đều cho kết quả ở mức tin cậy  $p < 0,05$ .

#### 4 Kết luận

Liên kết giữa hộ trồng lúa và hợp tác xã là hình thức liên kết chính trong hoạt động sản xuất này tại xã Hoà Mỹ Tây, huyện Tây Hoà, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, đánh giá các hoạt động/vai trò từ liên kết này có sự khác biệt, trong đó hợp tác xã đã làm rất tốt công tác trao đổi thông tin, hỗ trợ tiếp cận đầu vào và hỗ trợ kỹ thuật. Trái lại, việc liên kết tiêu thụ lúa và chia sẻ rủi ro trong hoạt động trồng lúa vẫn còn nhiều thách thức nên chưa đáp ứng được mong đợi của hộ trồng lúa.

Sự tham gia của các hộ trồng lúa trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đã mang lại những kết quả tích cực trong sản xuất lúa. Cụ thể, những hộ có liên kết đều có năng suất và giá bán cao hơn hộ không tham gia liên kết. Mặc dù việc tham gia mô hình liên kết không làm giảm chi phí sản xuất, nhưng cũng đã tạo ra được lợi thế về tổng thu và thu nhập của hộ trồng lúa. Trên cơ sở này, cần khuyến khích tham gia nhiều hơn vào các liên kết với hợp tác xã, thu mua lúa để đạt được những kết quả như đã nêu trên. Đồng thời, các nghiên cứu trong thời gian tới cần tăng dung lượng mẫu để có đánh giá tốt hơn và đại diện hơn cho toàn huyện Tây Hoà – vựa lúa của tỉnh Phú Yên.

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp ghép điểm xu hướng để đánh giá tác động của việc liên kết kết quả sản xuất kinh doanh của hoạt động trồng lúa. Phương pháp này đã khắc phục những sai lệch (bias) trong việc lựa chọn tham gia vào liên kết của nông hộ và phương pháp T-test dùng để so sánh hai biến độc lập không giải quyết được. Tuy nhiên việc sử dụng phương pháp này có một số hạn chế và đây cũng chính là hạn chế của đề tài khi không xác định và phân tích các biến không qua sát được như: nhận thức của hộ trồng lúa về tầm quan trọng của liên kết, động cơ hoặc thái độ của hộ trồng lúa về vai trò của liên kết trong sản xuất và tiêu thụ lúa.

## Tài liệu tham khảo

1. Lê Thị Kim Oanh và Nguyễn Quang Tín (2021), Liên kết trong sản xuất, tiêu thụ rau an toàn tại xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, 16, 124–132.
2. Hồ Quế Hậu (2012), *Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ ngành kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
3. Vũ Thị Hằng Nga và Trần Hữu Cường (2020), Một số lý luận về liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 18(3), 230–237.
4. Nguyễn Thanh Phong và Nguyễn Phương Lê (2021), Liên kết giữa hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ dược liệu ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 19(10), 1304–1312.
5. Hồ Thanh Thủy (2017), Vai trò của liên kết trong sản xuất nông sản, *Tạp chí Giáo dục lý luận*, 296, 36–40.
6. Phạm Ngọc Anh (2015), *Phát triển liên kết trong tiêu thụ rau quả của Công ty TNHH MTV Hưng Việt*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế thương mại và Quản trị Kinh doanh thương mại, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
7. Nguyễn Tiến Hưng, Nguyễn Hữu Ngoan, Vũ Tiến Vượng, và Tô Thế Nguyên (2022), Tác động của liên kết đến sản xuất và tiêu thụ chè của các nông hộ trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 20(5), 686–694.
8. Cao Đình Lành, Nguyễn Sơn Hải (2021), Thực trạng về hợp đồng tiêu thụ nông sản tại Việt Nam và những vấn đề đặt ra trong quá trình hoàn thiện, *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 130(6C), 15–23.
9. Cochran, W. G. (1963), *Sampling Technique*, 2nd Edition, John Wiley and Sons Inc., New York.
10. Phạm Quốc Hoàn, Nguyễn Việt Tuấn, Trương Quang Hoàng, Hồ Lê Phi Khanh (2023), Yếu tố ảnh hưởng và tác động sản xuất lúa xác nhận đến thu nhập của nông hộ trồng lúa tại huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên, *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, số 7, 213–223.
11. Trần Quốc Nhân (2020), Ứng dụng phương pháp ghép điểm xu hướng (psm) đánh giá tác động của việc tham gia hợp tác xã đến hiệu quả sản xuất lúa của nông hộ ở huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 18(2), 138–146.
12. Salam, M. A. and Sarker, M. N. I. (2023), Impact of hybrid variety adoption on the performance of rice farms in Bangladesh: A propensity score matching approach, *World Development Sustainability*, 2, 100042. <https://doi.org/10.1016/j.wds.2023.100042>.
13. Hoken, H. and Su, Q. (2018), Measuring the effect of agricultural cooperatives on household income: Case study of a rice-producing cooperative in China, *Agribusiness*, 34(4), 831–846.

14. Jemimah Njukia, Susan Kaariab, Angeline Chamunorwac, and Wanjiku Chiuri (2011), Linking smallholder farmers to markets, gender and intra-household dynamics: Does the choice of commodity matter?, *The European Journal of Development Research*, 23, 426–443.
15. Huỳnh Lê Tấn Phát, Trần Quốc Nhân (2022), Ảnh hưởng của việc tham gia liên kết đến kết quả sản xuất của nông dân trồng lúa ở huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang, *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*, 20(5), 677–685.
16. Awotide, B. A., Karimov A. A, and Diagne, A (2016), Agricultural technology adoption, commercialization and smallholder rice farmers' welfare in rural Nigeria, *Agricultural Food Economics*, 4, 1–24.
17. Goletti, F., Ahmed R., and Farid N. (1995), Structural determinants of market integration: The case of rice markets in Bangladesh, *The Developing Economies*, 33(2), 196–198.
18. Amber Gul, Wu Xiumin, Abbas Ali Chandio, Abdul Rehman, Sajid Ali Siyal, Isaac Asare (2022), Tracking the effect of climatic and non-climatic elements on rice production in Pakistan using the ARDL approach, *Environmental Science Pollution Research*, 1–15. <https://doi.org/10.1007/s11356-022-18541-3>.